TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 621/2025/HC-PT
Ngày 21 tháng 5 năm 2025
V/v: "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 1364/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2024/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1225/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Số H đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Kim T: Ông Nguyễn Tuấn A; địa chỉ: K, KTT C, H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2023) (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố V;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn L - Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh Q - Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số: 5163/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V) (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V - Ông Đặng Văn L

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V:

+ Ông Phạm Văn P – Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt);

+ Ông Lê Hồng T1 – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh V;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lữ Quang N - Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L1 - Chức vụ: Phó chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số: 938/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V) (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh V: Ông Nguyễn Chí C - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V (vắng mặt).

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP Q1 (MB); địa chỉ: Tầng A, 2 tòa nhà M, số B, T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Trần Thị Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Kim T trình bày:

Ngày 27/08/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh V ban hành Quyết định số: 2240/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất thay thế áp dụng bồi thường công trình cải tạo sông C thuộc dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố V, vay vốn WB (sau đây gọi tắt là Quyết định 2240).

Ngày 18/5/2021, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số: 2717/QĐ-UBND thu hồi 320,6m^2 đất ở đô thị trong tổng diện tích 2.380,3m^2 của thửa 151, tờ bản đồ 22, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của bà T. Cùng ngày 18/5/2021, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số: 2651/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2651), trong đó tại mục số 1, 2 và 52 của Bảng tổng hợp giá trị bồi thường kèm theo thì bà Trần Thị Kim T được bồi thường diện tích đất ở 320,6m^2 theo giá 30.151.300đ/m^2 bằng số tiền 9.666.506.580 đồng và giá trị tài sản trên đất trong đó có công trình, vật kiến trúc, tường rào được bồi thường bằng số tiền tổng cộng là 123.674.092 đồng. Không đồng ý giá bồi thường nên bà T chưa giao đất. Đến ngày 13/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số: 3793/QĐ-UBND cưỡng chế thu đất đối với bà T (sau đây gọi tắt là Quyết định cưỡng chế số 3793).

Bà T cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố V áp giá bồi thường cho bà không thỏa đáng vì thời điểm ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2651 là năm 2021 nhưng đến năm 2024 UBND thành phố V mới mời bà T đến nhận tiền bồi thường, thời gian kéo dài mấy năm gây thiệt hại đến quyền lợi của bà do trượt giá, ngoài ra theo kết quả thẩm định giá thị trường của Công ty T2 thì giá đất ở của thửa 151 thời điểm hiện nay là 61.876.000 đồng/m^2 nhưng Ủy ban chỉ bồi thường cho bà giá 30.151.300đ/m^2 là quá thấp, đối với công trình vật kiến trúc trên đất (hàng rào) thì theo bảng dự toán của Công ty TNHH C1 nếu xây dựng lại thì chi phí là 1.311.696.687 đồng nhưng Ủy ban chỉ bồi thường cho bà bằng số tiền 123.674.092 đồng là quá thiệt thòi cho bà.

Do bà T chưa đồng ý với giá bồi thường theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2651, bà chưa nhận được tiền bồi thường nhưng Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 3793 cưỡng chế thu hồi đất đối với bà là không đúng trình tự, ngoài ra do Ủy ban nhân dân thành phố V căn cứ vào Quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 27/08/2020 của UBND tỉnh V để ban hành Quyết định số 2651 phê duyệt phương án bồi thường cho bà quá thấp so với giá thị trường hiện nay.

Do đó bà T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

- Quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh V.

- Quyết định số: 2651/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư tại mục số 1, 2 và 52 của bảng tổng hợp giá trị bồi thường kèm theo đối với trường hợp của bà Trần Thị Kim T.

- Quyết định số: 3793/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V, về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị Kim T.

Tại Văn bản trình bày ý kiến số: 4893/UBND-NC ngày 16/11/2023 và Văn bản trình bày ý kiến số: 3157/UBND-NC ngày 03/7/2024, người đại diện hợp pháp của UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V trình bày:

Bà Trần Thị Kim T bị ảnh hưởng bởi công trình cải tạo sông C thuộc dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố V, vay vốn WB, qua Phường A, Phường D thành phố V. Căn cứ vào bản kiểm đếm tài sản ngày 23/7/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V thì phần đất của bà Trần Thị Kim T bị ảnh hưởng 320,6m^2 loại đất ở đô thị và công trình vật kiến trúc trên đất. Ngày 18/5/2021, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 2717/QĐ-UBND thu hồi 320,6m^2 đất ở đô thị thuộc thửa 151 của bà T. Cùng ngày 18/5/2021, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 2651/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư có bảng tổng hợp giá trị bồi thường kèm theo, trong đó bồi thường cho bà T đất ở đô thị 320,6m^2 theo giá 30.151.300 đồng/m^2, công trình vật kiến trúc trên đất bồi thường tổng số tiền 123.674.092 đồng. Việc UBND thành phố V áp giá bồi thường cho bà T là căn cứ vào Quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt giá đất thay thế áp dụng bồi thường công trình cải tạo sông C thuộc dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố V, vay vốn WB, qua Phường A, Phường D thành phố V, trong đó phần đất của bà T bị thu hồi thuộc vị trí 1 có giá 30.151.300 đồng/m^2. Đối với phần tài sản trên đất, căn cứ vào Quyết định số: 3069/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh V phê duyệt giá thay thế về nhà ở, công trình và vật kiến trúc áp dụng bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình cải tạo sông C thuộc dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố V thì công trình, vật kiến trúc trên đất của bà T gồm: Hàng rào cột đúc xây tường 77,75m^2 có giá 698.496 đồng/m^2, tường gạch ống 2,6m^2 có giá 263.689 đồng/m^2, cầu bến trụ đá bê tông cốt thép mặt lót đal 6,56m^2 có giá 1.018.212 đồng/m^2, ốp gạch men 79,6m^2 có giá 310.788 đồng/m^2, mái che tol nền láng xi măng 12,78m^2 giá 847.440 đồng/m^2, đường đi xi măng 23,86m^2 giá 188.388 đồng/m^2, hàng rào trụ đá bê tông cốt thép 39,16m^2 giá 698.496 đồng/m^2 tổng cộng bằng 123.674.092 đồng. Như vậy, về trình tự thủ tục bồi thường cho bà T là đúng quy định tại Điều 69, Điều 87 Luật Đất đai năm 2013.

Việc bà T yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2651 để giải quyết lại phương án bồi thường cho bà theo giá thị trường đối với đất là 61.876.000đ/m^2 như Công ty T2 đã định giá và phần tường rào thì bồi

thường theo bảng dự toán của Công ty TNHH C1 bằng 1.311.696.687 đồng là không có căn cứ nên về phía người bị kiện không chấp nhận.

Về trình tự cưỡng chế thu hồi đất, do tiến độ thi công công trình đã đến phần đất của bà T nên rất nhiều lần tổ công tác vận động bà T tự di dời tài sản giao mặt bằng nhưng bà không đồng ý vì thế ngày 13/9/2023 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 3793/QĐ-UBND cưỡng chế thu đất đối với bà, trước khi tiến hành cưỡng chế Ban cưỡng chế tiếp tục vận động bà T giao mặt bằng nhưng bà vẫn không đồng ý. Vì thế ngày 05/10/2023, Ban cưỡng chế đã thực hiện quyết định cưỡng chế thu hồi xong phần đất của bà T để giao đất cho ban dự án thi công công trình. Như vậy, về trình tự cưỡng chế thu hồi đất thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, không chấp nhận hủy Quyết định cưỡng chế số 3793.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 21/6/2024 của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh V trình bày:

Quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 27/08/2020 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt giá đất thay thế áp dụng bồi thường công trình cải tạo sông C thuộc dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố V, vay vốn WB, qua Phường A, Phường D thành phố V là quyết định chung cho tổng thể dự án. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận hủy quyết định này theo yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng thời xin vắng mặt không dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

Ngân hàng TMCP Q1 (MB) không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2024/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 71, 74, 87 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T về việc: hủy Quyết định số: 2651/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư tại mục số 1, 2 và 52 của bảng tổng hợp giá trị bồi thường kèm theo đối với trường hợp của bà Trần Thị Kim T và hủy Quyết định số: 3793/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V, về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị Kim T.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T về việc hủy Quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt giá đất thay thế áp dụng bồi thường công trình cải tạo sông C.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/8/2024, người khởi kiện là bà Trần Thị Kim T kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện là bà Trần Thị Kim T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Tuấn A thống nhất trình bày:

Việc áp giá bồi thường cho bà Trần Thị Kim T là không thỏa đáng vì từ thời điểm ban hành Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND thành phố V cho đến năm 2024 thì UBND thành phố V mới mời bà đến nhận tiền bồi thường, chưa tổ chức thương lượng, thỏa thuận giá đền bù đối với phần diện tích đất thu hồi và phần tường rào. Từ năm 2021 đến năm 2023, bà T không nhận được bất cứ thông báo nào từ phía UBND thành phố V. UBND thành phố V căn cứ vào Quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 27/08/2020 của UBND tỉnh V để ban hành Quyết định số 2651 phê duyệt mức giá bồi thường thấp hơn so với giá thị trường hiện nay dựa theo bảng dự toán của Công ty TNHH C1. Bên cạnh đó, bà T phải vay ngân hàng để nhận chuyển nhượng căn nhà trên thửa đất bị thu hồi từ tháng 7/2020, nếu nhận được thông báo bồi thường đúng hạn thì bà sẽ có phương án xử lý tài sản để không phải chịu thiệt hại với lãi suất ngân hàng 12% tại thời điểm đó. Việc UBND thành phố V cho rằng có gửi giấy mời làm việc cho bà T nhưng nhà bà T không có ai là không đúng. Bà không đồng ý với việc niêm yết các văn bản của UBND thành phố V. Ngày 23/8/2023, bà T có đơn yêu cầu UBND thành phố V thực hiện việc chi trả tiền bồi thường. Ngày 16/9/2023, bà T tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố V. Đến ngày 29/9/2023, UBND thành phố V mời bà T đến họp nhưng không giải quyết đối với yêu cầu khiếu nại về giá đất và các chi phí của bà. Do yêu cầu khiếu nại không được giải quyết nên bà đã rút đơn khiếu nại và khởi kiện tại Tòa án vào ngày 30/9/2023.

Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3793/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 cưỡng chế thu hồi đất đối với bà là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Bởi lẽ, tháng 7/2020, bà được cấp giấy chứng nhận đối với căn nhà trên đất, đến ngày 27/8/2020 thì có quyết định về giá bồi thường nhưng từ tháng 8/2020 bà không nhận được bất cứ thông báo nào về buổi làm việc, thương lượng về giá bồi thường. Ngoài ra, tại thời điểm ban hành Quyết định

nêu trên, bà T đang có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 151 với bà Đỗ Thị M. Tài sản của và M vẫn đang nằm trong căn nhà tại thửa đất nêu trên dù bà T đã nhiều lần yêu cầu di dời và bàn giao mặt bằng nhưng không thành. Do đó, bà T chưa thể thực hiện được việc bàn giao mặt bằng cho UBND. Từ năm 2020-2021, bà T không nhận được thông báo cũng như số tiền bồi thường nào từ cơ quan Nhà nước.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và UBND thành phố V là ông Phạm Văn P và ông Lê Hồng T1 thống nhất trình bày:

Công tác bồi thường được thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn. Tại Biên bản kiểm đếm tài sản ngày 23/7/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V thể hiện nội dung có mời bà Trần Thị Kim T đến để thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm. Bà T cũng đã ký vào biên bản này nên có thể xác định được bà T hoàn toàn biết rõ về việc thu hồi đất. Ngày 18/5/2021, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 2651/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường và đã mời bà T đến để nhận quyết định thu hồi đất nhưng bà không có mặt tại địa phương vào thời điểm đó. Ngày 20/5/2021, UBND thành phố V niêm yết công khai các quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường và thu hồi đất đối với bà T. Tại giai đoạn sơ thẩm, người bị kiện đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc niêm yết và tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Đối với việc chi trả tiền bồi thường: UBND thành phố V đã mời nhiều lần nhưng bà T không đến. Sau này, bà T và bà M tranh chấp về quyền sử dụng thửa đất số 151 nên UBND không thể chi trả được tiền bồi thường cho bà T, đã gửi toàn bộ số tiền vào Kho bạc Nhà nước theo quy định. Ngoài ra, UBND nhận được quyết định thi hành án về việc buộc bà T trả tiền cho bà M nên phải tạm ngừng việc chi trả cho đến ngày 15/4/2024 thì mới thực hiện xong.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 27/08/2020 của UBND tỉnh V được áp dụng cho toàn bộ dự án, không áp dụng cho từng đối tượng cụ thể nên không thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Khi thực hiện dự án, UBND tỉnh V đã ban hành quyết định về việc phê duyệt khung giá bồi thường đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường dựa trên Quyết định số 2240/QĐ-UBND là phù hợp. Trong thời gian bà Trần Thị Kim T và bà Đỗ Thị Mỹ X ra tranh chấp, UBND thành phố V đã gửi tiền vào Kho bạc Nhà nước là đúng quy định pháp luật. Đối với việc cưỡng chế, do bà T đã nhiều lần bị yêu cầu giao đất nhưng không thực hiện nên việc Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành quyết định cưỡng chế là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của bà Trần Thị Kim T, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V và Ủy ban nhân dân tỉnh V vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Q1 (MB) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 03/10/2023, bà Trần Thị Kim T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND thành phố V về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại mục số 1, 2 và 52 của bảng tổng hợp giá trị bồi thường kèm theo đối với trường hợp của bà Trần Thị Kim T và hủy Quyết định số 3793/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị Kim T là khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ

án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T về hủy Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt giá đất thay thế áp dụng bồi thường công trình cải tạo sông C. Xét Quyết định số 2240 nêu trên là quyết định tổng thể, chưa làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của bà T hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp cá nhân bà T nên không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này của bà T là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Thực hiện công trình cải tạo sông C thuộc dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố V, vay vốn WB, qua Phường A, Phường D thành phố V, ngày 18/5/2021, UBND thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 2717/QĐ-UBND thu hồi 320,6m^2 đất ở đô thị trong tổng diện tích 2.380,3m^2 thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 22, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị Kim T. Cùng ngày 18/5/2021, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2651/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; các Điều 62, 63, 69; 88, 89, 90 Luật đất đai năm 2013.

Do nhiều lần Tổ công tác vận động bà T tự nguyện di dời tài sản giao mặt bằng cho ban dự án thi công công trình nhưng bà T không thực hiện nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3793/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 cưỡng chế thu hồi đất đối với bà T; ngày 05/10/2023, Ban cưỡng chế đã thực hiện xong quyết định cưỡng chế thu hồi phần đất của bà T, là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung: Xét các yêu cầu kháng cáo của bà T

[2.2.1] Đối với quyết định phê duyệt phương án bồi thường

Căn cứ vào Biên bản kiểm đếm tài sản ngày 23/7/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V thì phần đất của bà Trần Thị Kim T bị ảnh hưởng 320,6m^2 thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 22, Phường 1 loại đất ở đô thị và

công trình vật kiến trúc trên đất. Ngày 18/5/2021, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2651/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà T, cụ thể: về đất bồi thường 320,6m^2 với giá 30.151.300đồng/m^2, tổng là 9.666.506.580 đồng; bồi thường nhà ở, cây trồng, vật kiến trúc trên đất với số tiền là 123.674.092 đồng.

Bà T cho rằng giá bồi thường quá thấp gây thiệt hại cho bà, vì thời điểm UBND thành phố V giao tiền bồi thường là năm 2024 nhưng áp giá đất của năm 2021; đồng thời, theo giá thị trường hiện nay bà cung cấp thì phần đất bị thu hồi có giá 61.876.000đ/m^2; về công trình, vật kiến trúc trên đất, riêng chi phí xây dựng lại hàng rào theo dự toán là 1.311.696.687 đồng. Do đó, bà T yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2651/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND thành phố V và yêu cầu UBND thành phố V giải quyết lại phương án bồi thường cho bà theo giá thị trường tại thời điểm hiện nay.

Xét thấy, việc thu hồi đất của bà Trần Thị Kim T để thực hiện công trình cải tạo sông C (dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố V) thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: *"Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất"*; đồng thời, theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật đất đai năm 2013: *"Đối với dự án sử dụng vốn vay của các tổ chức quốc tế, nước ngoài mà Nhà nước Việt Nam có cam kết về khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện theo khung chính sách đó"*.

Tại mục 6.1.1 của Khung chính sách dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam vay vốn WB trong đó có tỉnh Vĩnh Long đã được Chính phủ phê duyệt thì *"UBND tỉnh chịu trách nhiệm ban hành qui định, cụ thể hóa cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh"*. Căn cứ vào Khung chính sách, ngày 10/12/2019, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 3069/QĐ-UBND phê duyệt giá thay thế về nhà ở, công trình, vật kiến trúc áp dụng bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho dự án và ngày 27/8/2020, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2240/QĐ-UBND phê duyệt giá đất thay thế áp dụng bồi thường cho dự án.

Phần đất thu hồi của bà T có mục đích sử dụng đất ở đô thị thuộc khu vực từ cầu T đến cầu M, ở vị trí 1, đối chiếu với Quyết định số 2240/QĐ-UBND

ngày 27/8/2020 tại mục số 9 Điều 1 quy định giá đất là 30.151.300đ/m^2, tổng số tiền được bồi thường về đất là 9.666.506.580 đồng. Phần công trình, vật kiến trúc trên đất bị giải tỏa, đối chiếu với Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 thể hiện đơn giá hàng rào cột đúc D10 có giá 698.496đ/m^2 nên bà T được bồi thường tổng số tiền các vật kiến trúc khác trên đất là 123.674.092 đồng.

Về lý do thời điểm UBND thành phố V giao tiền bồi thường cho bà T năm 2024 nhưng áp giá đất của năm 2021: do thời điểm UBND thành phố V ra quyết định thu hồi, bồi thường đối với phần đất nêu trên thì giữa bà T với bà Đỗ Thị M có xảy ra tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Ban bồi thường không chi trả tiền bồi thường cho bà T mà gửi toàn bộ số tiền vào Kho bạc Nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật đất đai năm 2013 "Trường hợp diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đang tranh chấp đó được chuyển vào kho bạc Nhà nước chờ sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất". Đến ngày 05/3/2024, tranh chấp giữa bà T và bà M được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nên ngày 15/4/2024, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V đã chi trả toàn bộ số tiền bồi thường và lãi phát sinh cho bà T, là đúng quy định.

Từ những căn cứ nêu trên, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 phê duyệt phương án bồi thường cho bà Trần Thị Kim T là đúng quy định của pháp luật. Bà T yêu cầu được bồi thường về đất cho bà theo giá thị trường tại thời điểm năm 2024 và bồi thường các công trình khác trên đất theo giá xây mới do công ty thẩm định giá cung cấp là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2] Đối với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 3793/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V

Bà Trần Thị Kim T cho rằng bà chưa đồng ý với giá bồi thường và còn đang khiếu nại mà Chủ tịch UBND thành phố V đã ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với bà là không đúng quy định.

Tuy nhiên, do nhiều lần Tổ công tác vận động bà T tự nguyện di dời tài sản để giao mặt bằng cho ban dự án thi công công trình nhưng bà T không thực hiện nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013. Đồng thời, quyết định cưỡng chế thu hồi đất có hiệu lực thi hành không phụ thuộc vào việc người bị thu hồi đất có đồng ý với giá bồi thường hay không.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Kim T, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện bà Trần Thị Kim T phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà T theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Kim T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T về việc hủy:

- Quyết định số: 2651/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND thành phố V, tỉnh Vĩnh Long về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư tại mục số 1, 2 và 52 của bảng tổng hợp giá trị bồi thường kèm theo đối với trường hợp của bà Trần Thị Kim T

- Quyết định số: 3793/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Vĩnh Long về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị Kim T.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T về hủy Quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt giá đất thay thế áp dụng bồi thường công trình cải tạo sông C.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim T được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu VT; NTCL (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp